

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1086/2026/DS-ST

Ngày: 29/5/2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đinh Thị Diễm Kiều

2/ Ông Trần Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phụng - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 957/2025/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3248/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T

Địa chỉ: số E phố L, phường C (trước ngày 01/7/2025 là phường T, quận H), Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà T1, số C Hậu Giang, phường B (trước ngày 01/7/2025 là Phường B, Quận F), Thành phố Hồ Chí Minh.

Có người đại diện theo ủy quyền: 1/ Ông Nguyễn Minh K

2/ Ông Lê Anh H

3/ Ông Trần Xuân P

4/ Ông Nguyễn Thành N

5/ Ông Nguyễn Hữu A

6/ Bà Trần Nguyễn Phương M

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà T1, số C Hậu Giang, phường B (trước ngày 01/7/2025 là Phường B, Quận F), Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn yêu cầu vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 2452/2025/GUQ-TPB.CM.KHCN ngày 02/7/2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần T)

2. Bị đơn:

2.1 Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1989 (vắng mặt)

2.2 Ông Trần Quốc D, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng thường trú: I đường T, Khu phố B, phường T (trước ngày 01/7/2025 là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2025, đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/5/2026 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 05/9/2022, bà Nguyễn Thị Q, ông Trần Quốc D đã ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 398/2022/HDBD/TTKD OTO Q5 và xác nhận của Ngân hàng Thương mại cổ phần T (sau đây viết tắt là Ngân hàng T) về cấp tín dụng ngày 16/9/2022. Theo đó Ngân hàng đồng ý cho bà Q và ông D vay 750.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, mục đích vay vốn: vay mua xe ô tô, lãi suất linh hoạt trong hạn như sau: lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân là: 9.9%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại trong thời hạn vay vốn bằng lãi suất cơ sở dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 3 tháng của Ngân hàng T tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.5%/năm; Kỳ điều chỉnh lãi suất: 3 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Phương thức trả nợ: gốc trả đều hàng tháng, lãi vay trả hàng tháng theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã giải ngân và bà Q, ông D đã nhận đủ số tiền vay vào ngày 16/9/2022.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES C 180; Màu Trắng; Số khung: RLMWF7GXXLV008720; Số máy: 26491580088898; Biển kiểm soát: 51K-393.47 (Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 157701 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 03/08/2022). Tài sản bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến tại Cục Đ - Bộ Tư pháp ngày 16/9/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể từ ngày 10/05/2024, chỉ thanh toán

được số tiền gốc là 206.312.539 đồng và tiền lãi là 110.311.870 đồng nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/5/2026 là 711.107.264 đồng, trong đó: nợ gốc 543.687.461 đồng; nợ lãi trong hạn 106.631.528 đồng; Lãi quá hạn và lãi chậm trả 60.788.275 đồng.

Từ ngày 30/5/2026 bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D còn phải thanh toán nợ lãi, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả theo Hợp đồng cho vay nêu trên cho đến ngày bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES C 180; Màu Trắng; Số khung: RLMWF7GXXLV008720; Số máy: 26491580088898; Biển kiểm soát: 51K-393.47 (Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 157701 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 03/08/2022)

Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D vẫn có nghĩa vụ trả hết khoản nợ tại Ngân hàng.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng T còn có yêu cầu khởi kiện: yêu cầu bà Q, ông D thanh toán phí trả nợ trước hạn là 11.874.999 đồng. Ngày 28/5/2026, Ngân hàng T rút lại yêu cầu khởi kiện này.

Bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút, phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Q, ông D thanh toán phí trả nợ trước hạn là 11.874.999 đồng. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 05/9/2022 bà Q, ông D đã ký kết Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 398/2022/HDBD/TTKD OTO Q5 và ngày 16/9/2022 ngân hàng xác nhận cho vay 750.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, mục đích vay vốn: vay mua xe ô tô, lãi suất linh hoạt trong hạn như sau: lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân là: 9.9%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại trong thời hạn vay vốn bằng lãi suất cơ sở dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 3 tháng của Ngân

hàng T tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.5%/ năm; K1 điều chỉnh lãi suất: 3 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Phương thức trả nợ: gốc trả đều hàng tháng, lãi vay trả hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Ngân hàng đã giải ngân và bà Q, ông D đã nhận đủ số tiền vay vào ngày 16/9/2022, phương thức thanh toán gốc trả đều hàng tháng, lãi vay trả hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024) và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo chứng từ do Ngân hàng cung cấp thì bà Q, ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, thanh toán không đầy đủ nợ theo thỏa thuận từ kỳ thanh toán ngày 10/05/2024, chỉ thanh toán được số tiền gốc là 206.312.539 đồng và tiền lãi là 110.311.870 đồng. Tính đến ngày 29/5/2026, bà Q, ông D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 711.107.264 đồng, trong đó: nợ gốc 543.687.461 đồng; nợ lãi trong hạn 106.631.528 đồng; Lãi quá hạn và lãi chậm trả 60.788.275 đồng.

Do bà Q, ông D đã vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng, không trả nợ đúng hạn nên nay Ngân hàng yêu cầu bà Q, ông D thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ như trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ ngày 30/5/2026 bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D còn phải thanh toán nợ lãi, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả theo Hợp đồng cho vay nêu trên cho đến ngày bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ:

Để đảm bảo cho hợp đồng cho vay bà Q, ông D đã thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô Nhãn hiệu: MERCEDES C 180; Màu Trắng; Số khung: RLMWF7GXXLV008720; Số máy: 26491580088898; Biển kiểm soát: 51K-393.47 (Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 157701 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 03/08/2022). Tài sản bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến tại Cục Đ - Bộ Tư pháp ngày 16/9/2022 nên hợp đồng thế chấp đã phát sinh hiệu lực.

Xét thỏa thuận của các bên tại điều 9 của Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 398/2022/HDBD/TTKD OTO Q5 và xác nhận của

ngân hàng ngày 16/9/2022 các bên đã thỏa thuận về nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả gốc, lãi, phí, chi phí, phạt, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ khác quy định tại tất cả các hợp đồng được ký kết trước, trong và sau ngày Ngân hàng T xác nhận đề nghị này (sau đây gọi chung là các hợp đồng cấp tín dụng). Theo đó, các hợp đồng cấp tín dụng được đề cập tại mục này bao gồm cả các phụ lục, văn bản, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có). Hợp đồng thế chấp đã được 02 bên ký kết và thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp đã phát sinh hiệu lực.

Do tài sản thế chấp là xe ô tô do bị đơn quản lý sử dụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa, nên việc hiện nay không xác định được tài sản thế chấp đang ở đâu không làm vô hiệu hợp đồng thế chấp. Vì vậy, khi đến hạn trả nợ nhưng bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và Điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, bà Q, ông D phải chịu theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí này nên bà Q, ông D có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Q, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.444.291 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng T.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ Điều 299, Điều 303, khoản 3 Điều 318, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Q, ông Trần Quốc D thanh toán phí trả nợ trước hạn là 11.874.999 (mười một triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn chín trăm chín mươi chín) đồng.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T:

2.1 Buộc bà Nguyễn Thị Q, ông Trần Quốc D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/5/2026 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 398/2022/HDBD/TTKD OTO Q5 ngày 05/9/2022 và xác nhận của Ngân hàng Thương mại cổ phần T về cấp tín dụng ngày 16/9/2022 là 711.107.264 (bảy trăm mười một triệu một trăm lẻ bảy ngàn hai trăm sáu mươi bốn) đồng. Trong đó: nợ gốc 543.687.461 (năm trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi một) đồng; nợ lãi trong hạn 106.631.528 (một trăm lẻ sáu triệu sáu trăm ba mươi một ngàn năm trăm hai mươi tám) đồng; Lãi quá hạn và lãi chậm trả 60.788.275 (sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi lăm) đồng.

2.2 Từ ngày 30/5/2026 bà Nguyễn Thị Q, ông Trần Quốc D còn phải thanh toán nợ lãi, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả theo Hợp đồng cho vay nêu trên cho đến ngày bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

2.3 Ngay sau khi bà Nguyễn Thị Q, ông Trần Quốc D thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có trách nhiệm:

+ Giải chấp tài sản đã thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES C 180; Màu Trắng; Số khung: RLMWF7GXXLV008720; Số máy: 26491580088898; Biển kiểm soát: 51K-393.47 (Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 157701 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp

ngày 03/08/2022). Tài sản bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến tại Cục Đ - Bộ Tư pháp ngày 16/9/2022.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Q, ông Trần Quốc D bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 157701 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 03/08/2022.

2.4 Trường hợp bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES C 180; Màu Trắng; Số khung: RLMWF7GXXLV008720; Số máy: 26491580088898; Biển kiểm soát: 51K-393.47 (Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 157701 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 03/08/2022)

Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Quốc D vẫn có nghĩa vụ trả hết khoản nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

3/ Về chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị Q, ông Trần Quốc D chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần T đã nộp tạm ứng số tiền này nên bà Nguyễn Thị Q, ông Trần Quốc D có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Q, ông Trần Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.444.291 (ba mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm chín mươi mốt) đồng.

H1 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí 14.830.548 (mười bốn triệu tám trăm ba mươi ngàn năm trăm bốn mươi tám) đồng Ngân hàng Thương mại cổ phần T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026297 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thủy

